UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150 /QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Tổ chức chuyên môn, đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Trang TTDT;
- Lưu :VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Chương: 424

(Biểu số 2-ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày / /2021 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nôi dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**		
1	*Số thu phí, lệ phí*		
2	*Chi từ nguồn thu phí được để lại*		
3	*Số phí, lệ phí nộp NSNN*		
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**9.404.000**	
II.1	**Kinh phí địa phương**		
1	**Chi quản lý hành chính**	**6.704.000**	
1.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	***6.204.000***	
-	*Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL*	*112.000*	
-	*Quỹ lương và chi thường xuyên theo định mức*	*5.981.000*	
-	*Chi mua sắm sữa chữa ngoài định mức, Trang phục thanh tra*	*223.000*	
1.2	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	***500.000***	*Kinh phí 10 BCĐ: Tiến bộ phụ nữ, giảm nghèo và GQVL, Đào tạo nghề cho LĐNT, An toàn VSLĐ, Đội kiểm tra LN về PC TNMD, NQ 70 về CSXH, công tác người cao tuổi, người khuyết tật, BĐH trẻ em, Covid-19.*
2	**Chi đảm bảo xã hội**	**2.300.000**	
2.1	***Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên***	***2.300.000***	
2.2	***Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên***		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**400.000**	
..11	***Chi chương trình mục tiêu***		
II.2	**Kinh phí trung ương ủy quyền**		